

TỜ TRÌNH

**Về việc quy định cơ chế hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non và học sinh phổ
thông năm học 2021-2022 do ảnh hưởng của dịch COVID-19**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (sau đây gọi tắt là Nghị số 81/2021/NĐ-CP);

Căn cứ Công văn số 243/HĐND-VHXXH ngày 01/9/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc chấp thuận chủ trương xây dựng Nghị quyết trình tại kỳ họp giữa năm 2021;

Căn cứ Báo cáo số 266/BC-STP ngày 07/9/2021 của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định cơ chế hỗ trợ học phí cho trẻ em học mầm non và học sinh phổ thông năm học 2021-2022 do ảnh hưởng của dịch COVID-19.

Ủy ban nhân dân Thành phố kính báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua Nghị quyết quy định cơ chế hỗ trợ học phí cho trẻ em học mầm non và học sinh phổ thông năm học 2021-2022 do ảnh hưởng của dịch COVID-19, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT, QUY TRÌNH BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Sự cần thiết ban hành văn bản

Căn cứ Điều 17 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP về không thu học phí có thời hạn: *“Khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng do cơ quan có thẩm quyền công bố; tùy theo mức độ và phạm vi thiệt hại, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định không thu học phí trong thời hạn nhất định đối với trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông công lập, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông thuộc vùng bị thiên tai, dịch bệnh, vùng xảy ra các sự kiện bất khả kháng”*.

Căn cứ điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, HĐND cấp tỉnh có quyền hạn: *“Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chỉ có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương”*.

Trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 kéo dài và hiện đang diễn biến hết sức phức tạp trên địa bàn thành phố Hà Nội, gây ảnh hưởng đến kinh tế và đời sống của nhân dân. Do vậy thời gian qua HĐND, UBND Thành phố đã có nhiều các giải pháp nhằm hỗ trợ đối tượng bị ảnh hưởng, gặp khó khăn do đại dịch COVID-19. Để cùng chia sẻ với người dân trên địa bàn thành phố Hà Nội trước những khó khăn, trước mắt nhằm giảm bớt chi phí tài chính đối với phụ huynh, học sinh do ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19, cần thiết phải ban hành chính sách hỗ trợ học phí cho trẻ em học mầm non và học sinh phổ thông năm học 2021-2022.

2. Quy trình ban hành văn bản theo trình tự thủ tục rút gọn

Thực hiện theo quy trình thủ tục rút gọn được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Khoản 44 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về sửa đổi, bổ sung Điều 146; Điều 147 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

II. QUY ĐỊNH THỰC HIỆN MỨC THU HỌC PHÍ TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1. Đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao), các trung tâm giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên

a) Đối với trường hợp học sinh đến trường học theo hình thức trực tiếp, mức thu học phí năm học 2021-2022 dự kiến được giữ nguyên như năm học 2020-2021 đối với từng cấp học và từng khu vực, cụ thể:

Đơn vị: Đồng/tháng/học sinh

Cấp học	Mức thu học phí dự kiến năm học 2021-2022		
	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi
Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông	217.000	95.000	24.000
Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở	155.000	75.000	19.000

b) Đối với trường hợp học trực tuyến (học online) mức thu học phí dự kiến bằng 75% mức thu học phí nêu trên tương ứng theo từng vùng, từng cấp học.

2. Đối với cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao

Năm học 2021-2022, mức thu học phí thực hiện theo quy định tại Nghị quyết của HĐND Thành phố dự kiến tiếp tục được giữ nguyên như mức trần học phí của năm học 2020-2021 theo quy định tại Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND Thành phố quy định mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô năm học 2020-2021.

3. Đối với cơ sở giáo dục dân lập, tư thục

Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 8 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: “Cơ sở giáo dục dân lập, tư thục được quyền chủ động xây dựng mức thu học phí và giá các dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (trừ dịch vụ do Nhà nước định giá) bảo đảm bù đắp chi phí và có tích lũy hợp lý, có trách nhiệm công khai, giải trình với người học và xã hội về mức thu học phí, giá các dịch vụ do mình quyết định”.

III. NGUYÊN TẮC QUY ĐỊNH CƠ CHẾ HỖ TRỢ

1. Thực hiện Điều 17 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP về quy định không thu học phí có thời hạn.

2. Nhằm chia sẻ những khó khăn với người dân trên địa bàn thành phố Hà Nội, giảm bớt chi phí tài chính đối với phụ huynh, học sinh do ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19.

3. Mức hỗ trợ hàng tháng bằng 50% mức thu học phí đã được HĐND Thành phố quy định đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên tương ứng với từng vùng, từng cấp học, tương ứng với hình thức học thực tế của tháng.

4. Thời gian hỗ trợ: Theo thời gian học thực tế (trực tiếp, trực tuyến), tối đa không quá 9 tháng/năm học 2021-2022.

5. Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của Thành phố.

IV. NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Quy định cơ chế hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non và học sinh phổ thông năm học 2021-2022 do ảnh hưởng của dịch COVID-19.

b) Đối tượng áp dụng

- Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông (không bao gồm các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài) trên địa bàn thành phố Hà Nội; học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông (không bao gồm các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài), các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ

a) Mức hỗ trợ: Bằng 50% mức học phí hàng tháng của năm học 2021-2022 do HĐND Thành phố quy định đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên, tương ứng với hình thức học thực tế của tháng, tương ứng với từng vùng, từng cấp học sau khi đã thực hiện chính sách giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và các văn bản quy định khác có liên quan, cụ thể:

- Đối với đối tượng quy định tại mục 2 “đối tượng áp dụng” nêu trên (không bao gồm đối tượng đã hưởng chế độ miễn, giảm học phí theo quy định), mức hỗ trợ hàng tháng cụ thể:

Đơn vị: Đồng/học sinh/tháng

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ hàng tháng	
		Trong thời gian học sinh theo học trực tiếp tại trường	Trong thời gian học sinh học trực tuyến (Online)
1	Đối với cấp học: Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông		
1.1	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	108.500	81.400
1.2	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	47.500	35.600

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ hàng tháng	
		Trong thời gian học sinh theo học trực tiếp tại trường	Trong thời gian học sinh học trực tuyến (Online)
1.3	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi	12.000	9.000
2	Đối với cấp học: Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở		
2.1	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	77.500	58.100
2.2	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	37.500	28.100
2.3	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi	9.500	7.100

b) Đối với đối tượng quy định tại mục 2 “*đối tượng áp dụng*” nêu trên đã được hưởng chế độ giảm 70% học phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, mức hỗ trợ hàng tháng cụ thể:

Đơn vị: Đồng/học sinh/tháng

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ hàng tháng	
		Trong thời gian học sinh theo học trực tiếp tại trường	Trong thời gian học sinh học trực tuyến (Online)
1	Đối với cấp học: Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông		
1.1	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	32.600	24.500
1.2	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	14.300	10.700
1.3	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi	3.600	2.700
2	Đối với cấp học: Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở		
2.1	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	23.300	17.500
2.2	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	11.300	8.500

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ hàng tháng	
		Trong thời gian học sinh theo học trực tiếp tại trường	Trong thời gian học sinh học trực tuyến (Online)
2.3	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi	2.900	2.200

c) Đối với đối tượng quy định tại mục 2 “*đối tượng áp dụng*” nêu trên đã được hưởng chế độ giảm 50% học phí theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, mức hỗ trợ hàng tháng cụ thể:

Đơn vị: Đồng/học sinh/tháng

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ hàng tháng	
		Trong thời gian học sinh theo học trực tiếp tại trường	Trong thời gian học sinh học trực tuyến (Online)
1	Đối với cấp học: Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông		
1.1	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	54.300	40.700
1.2	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	23.800	17.900
1.3	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi	6.000	4.500
2	Đối với cấp học: Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở		
2.1	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	38.800	29.100
2.2	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	18.800	14.100
2.3	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi	4.800	3.600

d) Đối với đối tượng quy định tại mục 2 “*đối tượng áp dụng*” nêu trên đã hưởng chế độ miễn học phí theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP sẽ không được hưởng chế độ hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Thời gian hỗ trợ: Theo thời gian học sinh học thực tế (bao gồm thời gian học theo hình thức trực tiếp, trực tuyến), tối đa không quá 9 tháng/năm học 2021-2022.

V. PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN

1. UBND Thành phố giao và phân bổ dự toán kinh phí cho Sở Giáo dục và Đào tạo để giao dự toán kinh phí hỗ trợ học phí cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và thực hiện chi trả cho các đối tượng được hưởng chế độ đang theo học tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở giáo dục công lập thuộc các Bộ, trường Đại học, Cao đẳng, Viện nghiên cứu trên địa bàn thành phố Hà Nội (chi trả thông qua các cơ sở giáo dục).

2. UBND các quận, huyện, thị xã giao và phân bổ dự toán kinh phí hỗ trợ học phí cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; giao và phân bổ dự toán kinh phí hỗ trợ học phí cho phòng giáo dục và đào tạo để chi trả cho các đối tượng được hưởng chế độ đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông dân lập, tư thục trên địa bàn theo phân cấp quản lý (chi trả thông qua các cơ sở giáo dục).

VI. KINH PHÍ VÀ NGUỒN KINH PHÍ

1. Tổng kinh phí thực hiện chính sách **dự kiến 892.993 triệu đồng**, cụ thể:

- Cấp học Mầm non 378.776 triệu đồng, bao gồm: Các cơ sở giáo dục công lập là 218.841 triệu đồng với 379.127 đối tượng hưởng chính sách; các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục là 159.935 triệu đồng với 173.011 đối tượng hưởng chính sách.

- Cấp học Tiểu học 40.478 triệu đồng, bao gồm: Các cơ sở giáo dục công lập là 1.728 triệu đồng với 2.479 đối tượng hưởng chính sách; các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục là 38.750 triệu đồng với 55.553 đối tượng hưởng chính sách.

- Cấp học THCS 258.598 triệu đồng, bao gồm: Các cơ sở giáo dục công lập là 236.615 triệu đồng với 474.720 đối tượng hưởng chính sách; các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục là 21.983 triệu đồng với 31.518 đối tượng hưởng chính sách.

- Cấp học THPT 215.141 triệu đồng, bao gồm: Các cơ sở giáo dục công lập là 153.212 triệu đồng với 217.949 đối tượng hưởng chính sách; các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục là 61.929 triệu đồng với 63.420 đối tượng hưởng chính sách.

2. Lộ trình thực hiện

- Năm 2021 (từ tháng 9 đến tháng 12) kinh phí hỗ trợ dự kiến 396.885 triệu đồng;

- Năm 2022 (từ tháng 01 đến tháng 05) kinh phí hỗ trợ dự kiến 496.108 triệu đồng.

3. Nguồn kinh phí:

Ngân sách cấp Thành phố; riêng năm 2021, từ nguồn dự phòng ngân sách cấp Thành phố năm 2021.

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố)

Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bí thư Thành ủy;
- Các Đ/c Phó Bí thư Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Ban: VHXH, KTNS - HĐND Thành phố;
- Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp;
- VPUB: CVP, các Phó Chánh Văn phòng;
- Các phòng: KGVX, KT, NC, TKBT, TH;
- Lưu: VT, KGVX.

41112



Chu Ngọc Anh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2021/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

**Quy định cơ chế hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non và học sinh phổ thông
năm học 2021-2022 do ảnh hưởng của dịch COVID-19**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ ...**

(Từ ngày..... /.../2021 đến ngày/.../2021)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2021 của UBND Thành phố về việc Quy định cơ chế hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non và học sinh phổ thông năm học 2021-2022 do ảnh hưởng của dịch COVID-19; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cơ chế hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non và học sinh phổ thông năm học 2021-2022 do ảnh hưởng của dịch COVID-19.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông (không bao gồm các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài) trên địa bàn thành phố Hà Nội; học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội.

b) Các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông (không bao gồm các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài), các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Cơ chế hỗ trợ

1. Mức hỗ trợ: Bằng 50% mức học phí hàng tháng của năm học 2021-2022 do HĐND Thành phố quy định đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên, tương ứng với hình thức học thực tế của tháng, tương ứng với từng vùng, từng cấp học sau khi đã thực hiện chính sách giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và các văn bản quy định khác có liên quan, cụ thể:

a) Đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này (không bao gồm đối tượng đã hưởng chế độ miễn, giảm học phí theo quy định), mức hỗ trợ hàng tháng cụ thể:

Đơn vị: Đồng/học sinh/tháng

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ hàng tháng	
		Trong thời gian học sinh theo học trực tiếp tại trường	Trong thời gian học sinh học trực tuyến (Online)
1	Đối với cấp học: Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông		
1.1	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	108.500	81.400
1.2	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	47.500	35.600
1.3	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi	12.000	9.000
2	Đối với cấp học: Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở		
2.1	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	77.500	58.100

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ hàng tháng	
		Trong thời gian học sinh theo học trực tiếp tại trường	Trong thời gian học sinh học trực tuyến (Online)
2.2	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	37.500	28.100
2.3	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi	9.500	7.100

b) Đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này đã được hưởng chế độ giảm 70% học phí theo quy định theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, mức hỗ trợ hàng tháng cụ thể:

Đơn vị: Đồng/học sinh/tháng

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ hàng tháng	
		Trong thời gian học sinh theo học trực tiếp tại trường	Trong thời gian học sinh học trực tuyến (Online)
1	Đối với cấp học: Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông		
1.1	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	32.600	24.500
1.2	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	14.300	10.700
1.3	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi	3.600	2.700
2	Đối với cấp học: Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở		
2.1	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	23.300	17.500
2.2	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	11.300	8.500
2.3	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi	2.900	2.200

c) Đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này đã được hưởng chế độ giảm 50% học phí theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, mức hỗ trợ hàng tháng cụ thể:

Đơn vị: Đồng/học sinh/tháng

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ hàng tháng	
		Trong thời gian học sinh theo học trực tiếp tại trường	Trong thời gian học sinh học trực tuyến (Online)
1	Đối với cấp học: Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông		
1.1	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	54.300	40.700
1.2	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	23.800	17.900
1.3	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi	6.000	4.500
2	Đối với cấp học: Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở		
2.1	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	38.800	29.100
2.2	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	18.800	14.100
2.3	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi	4.800	3.600

d) Đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này đã hưởng chế độ miễn học phí theo quy định sẽ không được hưởng chế độ hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Thời gian hỗ trợ: Theo thời gian học sinh học thực tế (bao gồm thời gian học theo hình thức trực tiếp, trực tuyến), tối đa không quá 9 tháng/năm học 2021-2022.

3. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách cấp Thành phố; riêng năm 2021, từ nguồn dự phòng ngân sách cấp Thành phố năm 2021.

4. Phương thức thực hiện

a) UBND Thành phố giao và phân bổ dự toán kinh phí cho Sở Giáo dục và Đào tạo để giao dự toán kinh phí hỗ trợ học phí cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và thực hiện chi trả cho các đối tượng được hưởng chế độ đang theo học tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở giáo dục công lập thuộc các Bộ, trường Đại học, Cao đẳng, Viện nghiên cứu trên địa bàn thành phố Hà Nội (chi trả thông qua các cơ sở giáo dục).

b) UBND các quận, huyện, thị xã giao và phân bổ dự toán kinh phí hỗ trợ học phí cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; giao và phân bổ dự toán kinh phí hỗ trợ học phí cho phòng giáo dục và đào tạo để chi trả cho các đối tượng được hưởng chế độ đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông dân lập, tư thục trên địa bàn theo phân cấp quản lý (chi trả thông qua các cơ sở giáo dục).

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Tổ chức thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền về cơ chế hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non và học sinh phổ thông năm học 2021-2022 do ảnh hưởng của dịch COVID-19 để các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, tổ chức trên địa bàn hiểu và đồng thuận.

2. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đảm bảo việc thực hiện chính sách công khai, minh bạch, đúng quy định.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XVI, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày... tháng...năm 2021, có hiệu lực thi hành từ ngày.....tháng ...năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu thuộc UBTV Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- VP TU, các Ban Đảng TU;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP HĐND; VP UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Công báo Thành phố, Cổng GTĐT Thành phố;
- Lưu: VT./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn